

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 19 HỒ SƠ DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ CÔNG VIÊN PHƯỚC THIỆN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC (Lô A4 - S7)

Kính gửi: Chi cục Thuế Thành phố Thủ Đức.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ: Theo danh sách đính kèm 19 hồ sơ. 1.2. Ngày nhận hồ sơ:.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: Theo danh sách đính kèm 19 hồ sơ. 2.1. Tên..... 2.2. Địa chỉ: 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .. 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất 3.1.1. Thửa đất số: 310; Tờ bản đồ số: 106; 3.1.2. Địa chỉ tại: số 88 đường Phước Thiện, khu phố Phước Thiện, phường Long Bình, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM (Lô A4 - S7 - Khu A - Dự án khu dân cư và công viên Phước Thiện). 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: - Đường/đoạn đường/khu vực: đường Phước Thiện (trộn đường); - Vị trí thửa đất: Vị trí: 1. - Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 21.784,0m²

- Diện tích sử dụng chung: 21.784,0 m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất:.....

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT79250 ngày 24 tháng 12 năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **Theo danh sách đính kèm 19 hồ sơ.**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²/diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung;; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;

3.2.5. Số tầng:

+ 26 tầng + 02 hầm + tầng tum thang (Tòa S7.01; Tòa S7.03);

+ 30 tầng + 02 hầm + tầng tum thang (Tòa S7.02);

+ 21 tầng + 02 hầm + tầng tum thang (Tòa S7.05);

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

Kết cấu: Tường gạch, khung cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: năm 2022.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....

- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 19 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- + Hợp đồng mua bán, văn bản chuyển nhượng.
- + Biên bản bàn giao nhà.
- + Bản vẽ sơ đồ căn hộ.
- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Văn phòng Sở (để đăng tin);
- Công ty CP KD BĐS MV Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 4785/2024 *ngyl*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

DANH SÁCH 19 CĂN HỘ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ CÔNG VIÊN PHƯỚC THIỆN, PHƯỜNG LONG BÌNH, TP. THỦ ĐỨC

(Vinhomes Grand Park - A4 - S7)

(Đính kèm Phiếu chuyển số 1463/PC-VPĐK-ĐK ngày 30.10/2024 của Văn phòng ĐKĐTP

STT	Biên nhận	Tên Khách hàng	Mã căn theo HDMB	Mã căn theo PADS N	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tim tường (m2)	Loại tài sản
1	4785	Ông VŨ VĂN KHIÊM Năm sinh: 1987; CCCD số: 035 087 010 784 Địa chỉ thường trú: 118 đường 10, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh Bà LÊ THỊ HƯỜNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 022 186 009 680 Địa chỉ thường trú: 118 đường 10, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0104.18	4.18, Tầng 4, Tòa nhà S7.01	63.5	69.2	Căn hộ
2	4786	Ông NGUYỄN BẢO LONG Năm sinh: 1990; CCCD số: 079 090 027 921 Địa chỉ thường trú: 10 đường 2, khu phố 3, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh Bà THÁI PHẠM KIỀU OANH Năm sinh: 1990; CCCD số: 079 190 023 690 Địa chỉ thường trú: 58/133 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0105.09	5.09, Tầng 5, Tòa nhà S7.01	54.4	59.2	Căn hộ
3	4787	Ông TRẦN ĐƯỜNG TỈNH Năm sinh: 1967; CCCD số: 036 067 005 720 Địa chỉ thường trú: 65/20/4 Đường 20, Khu phố 4, Phường Bình Chánh, Tp Thủ Đức, TpHCM Bà LÊ THỊ HẢI VÂN Năm sinh: 1978; CCCD số: 034 178 009 086 Địa chỉ thường trú: 65/20/4 Đường 20, Khu phố 4, Phường Bình Chánh, Tp Thủ Đức, TpHCM	S7.0108.04	8.04, Tầng 8, Tòa nhà S7.01	63.9	69.5	Căn hộ
4	4788	Ông NGUYỄN ĐÌNH KIẾN Năm sinh: 1977; CCCD số: 051 077 000 348 Địa chỉ thường trú: 246 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh Bà HOÀNG THỊ HƯỜNG Năm sinh: 1981; CCCD số: 040 181 005 822 Địa chỉ thường trú: 246 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0112.10	12.10, Tầng 12, Tòa nhà S7.01	63.5	69.2	Căn hộ
5	4789	Bà VÕ NGỌC BẢO THU Năm sinh: 2004; CCCD số: 079 304 012 469 Địa chỉ thường trú: Số nhà 275/37/02, đường Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp, Tp.HCM	S7.0119.03	19.03 Tầng 19, Tòa nhà S7.01	43.1	46.5	Căn hộ
6	4790	Ông NGUYỄN TRỊNH NGUYỄN Năm sinh: 1981; CCCD số: 001 081 029 645 Địa chỉ thường trú: E6 đường 11, Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0119.09	19.09, Tầng 19, Tòa nhà S7.01	54.4	59.2	Căn hộ
7	4791	Bà TRƯƠNG THỊ THÙY GIANG Năm sinh: 1976; CCCD số: 001 176 043 457 Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1811, tầng 18, tòa S1.01, khu dân cư và công viên Phước Thiện, số 512 đường Nguyễn Xiển, khu phố 18, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0119.14	19.14, Tầng 19, Tòa nhà S7.01	43.9	47.0	Căn hộ

STT	Biên nhận	Tên Khách hàng	Mã căn theo HDMB	Mã căn theo PADS	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tim tường (m2)	Loại tài sản
8	4792	Ông NGUYỄN NGỌC QUANG Năm sinh: 1991; CCCD số: 079 091 028 421 Địa chỉ thường trú: 363 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh Bà PHAN THỊ THANH THÚY Năm sinh: 1991; CCCD số: 052 191 021 803 Địa chỉ thường trú: 363 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0122.04	22.04, Tầng 22, Tòa nhà S7.01	63.9	69.5	Căn hộ
9	4793	Ông VÕ BÌNH DANH Năm sinh: 1972; CCCD số: 054 072 005 581 Địa chỉ thường trú: 123 Bàu Cát 2, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh Bà HUỖNH THỊ BÉ TÂM Năm sinh: 1973; CCCD số: 080 173 000 736 Địa chỉ thường trú: 123 Bàu Cát 2, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0122.05	22.05, Tầng 22, Tòa nhà S7.01	63.9	69.5	Căn hộ
10	4794	Ông TRẦN VĂN TRƯỜNG Năm sinh: 1960; CCCD số: 035 060 005 684 Địa chỉ thường trú: 117 Ngô Quyền, khu phố 2, Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh Bà NGUYỄN THANH BÌNH Năm sinh: 1963; CCCD số: 001 163 046 421 Địa chỉ thường trú: 117 Ngô Quyền, khu phố 2, Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0123.12	23.12, Tầng 23, Tòa nhà S7.01	62.5	67.8	Căn hộ
11	4795	Bà VÕ NGỌC THANH Năm sinh: 1991; CCCD số: 095 191 008 031 Địa chỉ thường trú: Căn hộ 17.25 tòa nhà chung cư S7.0 (Dự án khu dân cư và công viên Phước Thiện), 88 đường Phước Thiện, khu phố 23, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0125.17	25.17, Tầng 25, Tòa nhà S7.01	54.4	59.2	Căn hộ
12	4796	Ông NGUYỄN THANH SƠN Năm sinh: 1947; CCCD số: 082 047 004 524 Địa chỉ thường trú: 177 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh Bà NGUYỄN THỊ THOẠI Năm sinh: 1956; CCCD số: 075 156 004 532 Địa chỉ thường trú: 177 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0201.S03	1.03, Tầng 1, Tòa nhà S7.02	71.6	76.2	huong mai di
13	4797	Ông VŨ THÀNH PHƯƠNG Năm sinh: 1984; CCCD số: 033 078 010 419 Địa chỉ thường trú: 23/21 Thủy Lợi, khu phố 3, phường Phước Long A, Tp Thủ Đức, TpHCM Bà CAO THỊ NGỌC LINH Năm sinh: 1984; CCCD số: 068 184 002 888 Địa chỉ thường trú: 23/21 Thủy Lợi, khu phố 3, phường Phước Long A, Tp Thủ Đức, TpHCM	S7.0202.12	2.12, Tầng 2, Tòa nhà S7.02	95.2	103.3	Căn hộ
14	4798	Ông BUI TIẾN SĨ Năm sinh: 1994; CCCD số: 001 094 034 317 Địa chỉ thường trú: 779/45, Tổ 12, Khu Phố 1, Tân Hiệp, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	S7.0214.05	14.05, Tầng 14, Tòa nhà S7.02	54.6	59.2	Căn hộ
15	4799	Ông HỒ MINH TÍN Năm sinh: 1993; CCCD số: 049 093 007 165 Địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp Bình Thắng, Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Bà NGUYỄN THỊ MINH HOÀNG Năm sinh: 1995; CCCD số: 091 195 015 978 Địa chỉ thường trú: Tổ 26, khu phố 5, Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	S7.0214.29	14.29, Tầng 14, Tòa nhà S7.02	54.6	59.2	Căn hộ

STT	Biên nhận	Tên Khách hàng	Mã căn theo HĐMB	Mã căn theo PADSN	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tính tường (m2)	Loại tài sản
16	4800	Bà TRẦN NGUYỄN NGỌC DUNG Năm sinh: 1983; CCCD số: 079 183 039 977 Địa chỉ thường trú: E6 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0215.30	15.30, Tầng 15, Tòa nhà S7.02	36.3	39.4	Căn hộ
17	4801	Ông HỒ HÙNG NINH Năm sinh: 1949; CCCD số: 079 049 001 213 Địa chỉ thường trú: 816/19 Trường Sa, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh Bà QUANG THỊ TUYẾT VÂN Năm sinh: 1951; CCCD số: 056 151 000 022 Địa chỉ thường trú: 816/19 Trường Sa, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	S7.0219.30	19.30, Tầng 19, Tòa nhà S7.02	36.3	39.4	Căn hộ
18	4802	Ông CA ĐOAN TRƯỜNG NGÔN Năm sinh: 1982; CCCD số: 056 082 002 212 Địa chỉ thường trú: 7.02 Lô 3C Khu A, Chung Cư Phú Thọ, phường 15, Quận 11, TP Hồ Chí Minh	S7.0317.01	17.01, Tầng 17, Tòa nhà S7.03	43.9	47.0	Căn hộ
19	4803	Ông VÕ PHONG VŨ Năm sinh: 1974; CCCD số: 079 074 020 926 Địa chỉ thường trú: 377/60 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh Bà TRAN SUONG THI Năm sinh: 1981; Quốc tịch: Canada Hộ Chiếu số: AA422763; Ngày cấp: 20/04/2017; Nơi cấp: Canada	S7.0508.14	8.14, Tầng 8, Tòa nhà S7.05	63.2	69.2	Căn hộ

ML

✓

